

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/2018/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 26 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Tờ trình số 461/TTr-STNMT ngày 05/10/2018).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung giá đất vào Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 05 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh, như sau:

1. Bổ sung Khoản 8 vào Mục V Phụ lục 1 của Giá đất ở tại đô thị 05 năm (2015-2019), cụ thể như sau:

| Số TT    | Tên đường, đoạn đường  | Giá đất (đồng/m <sup>2</sup> ) |     |     |     |
|----------|--|--------------------------------|-----|-----|-----|
|          |  | VT1                            | VT2 | VT3 | VT4 |
| <b>I</b> | <b>Thị trấn Hòa Vinh</b>   |                                |     |     |     |
| 1        | Khu dân cư số 6  |                                |     |     |     |
| 1.1      | Đường Đỗ Như Dậy   | 1.500.00<br>0                  |     |     |     |
| 1.2      | Đường Lý Thường Kiệt   |                                |     |     |     |
|          | - Đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến đường vào khu dân cư Tam Gia (rộng 20,5m) | 1.500.00<br>0                  |     |     |     |
|          | - Đoạn từ đường vào khu dân cư Tam Gia đến Quốc lộ 1 (rộng 15,5m)        | 1.300.00<br>0                  |     |     |     |
| 1.3      | Các đường trong khu dân cư (rộng 12m)                                    | 1.100.00<br>0                  |     |     |     |

| Số TT | Tên đường, đoạn đường   | Giá đất (đồng/m <sup>2</sup> ) |     |     |     |
|-------|---|--------------------------------|-----|-----|-----|
|       |   | VT1                            | VT2 | VT3 | VT4 |
| 2     | Đường Nguyễn Tất Thành (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cầu Bến Lớn)    | 3.000.000                      |     |     |     |
| 3     | Đường Quốc lộ 29 (đoạn từ Quốc lộ 1 đến giáp xã Hòa Tân Đông) | 650.000                        |     |     |     |

2. Sửa đổi, đổi tên đường Quốc lộ 29 và đường từ điểm nối quốc lộ 1 đến điểm nối Quốc lộ 29 vào Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 05 năm (2015-2019), cụ thể như sau:

a) Sửa đổi các Điểm 6.1 Khoản 6 Mục V của Phụ lục 2-Giá đất ở nông thôn 05 năm (2015-2019), cụ thể như sau:

| Số TT   | Tên đường, đoạn đường  | Giá đất (đồng/m <sup>2</sup> ) |         |         |         |
|---|--|--------------------------------|---------|---------|---------|
|   |  | VT1                            | VT2     | VT3     | VT4     |
| <b>I</b>  | <b>Đất ở nông thôn</b>   |                                |         |         |         |
| <b>Theo Quyết định 56/2014/QĐ-UBND, ngày 29/12/2014</b> |  |                                |         |         |         |
|   | Quốc lộ 29: Đoạn từ ranh giới xã Hòa Tâm đến Cảng Vũng Rô        | 900.000                        | 480.000 | 250.000 | 130.000 |
|   |  | 0                              | 0       | 0       | 0       |
| <b>Nay sửa thành:</b>                                   |  |                                |         |         |         |
|   | - Quốc lộ 29: Đoạn từ ranh giới xã Hòa Tâm đến Nhà ông Phạm Hùng | 900.000                        | 480.000 | 250.000 | 130.000 |
|   |  | 0                              | 0       | 0       | 0       |
|   | - Đoạn từ nhà ông Phạm Hùng đến kho Xăng Dầu Vũng Rô             | 900.000                        | 480.000 | 250.000 | 130.000 |
|   |  | 0                              | 0       | 0       | 0       |

b) Sửa đổi các Điểm 6.3 Khoản 6 Mục V của Phụ lục 2-Giá đất ở nông thôn 05 năm (2015-2019), cụ thể như sau:

| Số TT   | Tên đường, đoạn đường                                 | Giá đất (đồng/m <sup>2</sup> ) |     |     |     |
|---|---|--------------------------------|-----|-----|-----|
|   |   | VT1                            | VT2 | VT3 | VT4 |
| <b>Theo Quyết định 56/2014/QĐ-UBND, ngày 29/12/2014</b> |   |                                |     |     |     |
|   | - Đường từ điểm nối Quốc lộ 1 đến điểm nối Quốc lộ 29 | 900.000                        |     |     |     |
| <b>Nay đổi thành:</b>                                   |   |                                |     |     |     |
|   | - Quốc lộ 29: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến nhà ông Phạm Hùng | 900.000                        |     |     |     |

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Đông Hòa; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 11 năm 2018./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Chí Hiến**

| Số TT | Tên đường, đoạn đường   | Giá đất (đồng/m <sup>2</sup> ) |     |     |     |
|-------|---|--------------------------------|-----|-----|-----|
|       |   | VT1                            | VT2 | VT3 | VT4 |
| 2     | Đường Nguyễn Tất Thành (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cầu Bến Lớn)    | 3.000.000                      |     |     |     |
| 3     | Đường Quốc lộ 29 (đoạn từ Quốc lộ 1 đến giáp xã Hòa Tân Đông) | 650.000                        |     |     |     |

2. Sửa đổi, đổi tên đường Quốc lộ 29 và đường từ điểm nối quốc lộ 1 đến điểm nối Quốc lộ 29 vào Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 05 năm (2015-2019), cụ thể như sau:

a) Sửa đổi các Điểm 6.1 Khoản 6 Mục V của Phụ lục 2-Giá đất ở nông thôn 05 năm (2015-2019), cụ thể như sau:

| Số TT   | Tên đường, đoạn đường  | Giá đất (đồng/m <sup>2</sup> ) |         |         |         |
|---|--|--------------------------------|---------|---------|---------|
|   |  | VT1                            | VT2     | VT3     | VT4     |
| <b>I</b>  | <b>Đất ở nông thôn</b>   |                                |         |         |         |
| <b>Theo Quyết định 56/2014/QĐ-UBND, ngày 29/12/2014</b> |  |                                |         |         |         |
|   | Quốc lộ 29: Đoạn từ ranh giới xã Hòa Tâm đến Cảng Vũng Rô        | 900.000                        | 480.000 | 250.000 | 130.000 |
|   |  | 0                              | 0       | 0       | 0       |
| <b>Nay sửa thành:</b>                                   |  |                                |         |         |         |
|   | - Quốc lộ 29: Đoạn từ ranh giới xã Hòa Tâm đến Nhà ông Phạm Hùng | 900.000                        | 480.000 | 250.000 | 130.000 |
|   |  | 0                              | 0       | 0       | 0       |
|   | - Đoạn từ nhà ông Phạm Hùng đến kho Xăng Dầu Vũng Rô             | 900.000                        | 480.000 | 250.000 | 130.000 |
|   |  | 0                              | 0       | 0       | 0       |

b) Sửa đổi các Điểm 6.3 Khoản 6 Mục V của Phụ lục 2-Giá đất ở nông thôn 05 năm (2015-2019), cụ thể như sau:

| Số TT   | Tên đường, đoạn đường                                 | Giá đất (đồng/m <sup>2</sup> ) |     |     |     |
|---|---|--------------------------------|-----|-----|-----|
|   |   | VT1                            | VT2 | VT3 | VT4 |
| <b>Theo Quyết định 56/2014/QĐ-UBND, ngày 29/12/2014</b> |   |                                |     |     |     |
|   | - Đường từ điểm nối Quốc lộ 1 đến điểm nối Quốc lộ 29 | 900.000                        |     |     |     |
| <b>Nay đổi thành:</b>                                   |   |                                |     |     |     |
|   | - Quốc lộ 29: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến nhà ông Phạm Hùng | 900.000                        |     |     |     |

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Đông Hòa; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 11 năm 2018./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Chí Hiến**